

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1462/2026/DS-ST

Ngày: 15 - 7 - 2026

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Văn Ân
- Ông Phạm Văn Tuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 996/2026/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2366/2026/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2808/2026/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M

Địa chỉ trụ sở: Phường S, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H – Chức danh: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH MTV T
(Văn bản ủy quyền ngày 17/4/2025)

Ủy quyền lại cho: Bà Lâm Thị Thùy D, sinh năm 2000

Địa chỉ liên hệ: Phường T, Thành phố H.

(Văn bản ủy quyền ngày 01/10/2025)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Hồng L, sinh năm 1980

Địa chỉ: Phường C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2025 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M do bà Lâm Thị Thùy D đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 18/10/2023 Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M (Sau đây gọi tắt là Công ty M) và bà Nguyễn Hồng L có ký Đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng số 4995816 để cho bà L vay số tiền 20.247.600 đồng (Hai mươi triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 50%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là 65%/năm, lãi suất chậm trả là 10%/năm, thời hạn vay từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 05/4/2026, hình thức tín chấp, không có thế chấp tài sản bảo đảm.

Đồng thời, để bảo hiểm sức khỏe người vay vốn trong thời gian thực hiện Hợp đồng tín dụng, bà L có ký với Công ty Cổ phần Bảo hiểm O 03 Hợp đồng bảo hiểm gồm: Hợp đồng bảo hiểm số 951960604/01 có thời hạn bảo hiểm từ ngày 18/10/2023 đến ngày 17/10/2024, phí bảo hiểm là 676.800 đồng (Sáu trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm đồng); Hợp đồng bảo hiểm số 951960604/02 có thời hạn bảo hiểm từ ngày 18/10/2024 đến ngày 17/10/2025, phí bảo hiểm là 445.936 đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng); Hợp đồng bảo hiểm số 951960604/03 có thời hạn bảo hiểm từ ngày 18/10/2025 đến ngày 17/5/2026, phí bảo hiểm là 324.864 đồng (Ba trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi bốn đồng). Theo đó, bà L là người được bảo hiểm trong trường hợp tử vong hoặc bị thương tật vĩnh viễn do tai nạn thì Công ty M là người được ưu tiên thụ hưởng khoản tiền bảo hiểm. Đây không phải là giao dịch bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của bà L theo Hợp đồng tín dụng nên Công ty Cổ phần Bảo hiểm O không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty M đã giải ngân đủ số tiền vay trên cho bà L gồm: Chuyển khoản qua tài khoản cá nhân của bà L số tiền 18.800.000 đồng (Mười tám triệu tám trăm nghìn đồng) và nộp thay bà L phí bảo hiểm cho Công ty Cổ phần Bảo hiểm O là 1.447.600 đồng (Một triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm đồng).

Theo nội dung thỏa thuận của Đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng thì bà L có trách nhiệm trả cho Công ty M tiền gốc và lãi trong thời hạn 30 tháng kể từ ngày 05/11/2023 đến ngày 05/4/2026, cụ thể từng kỳ thanh toán như sau:

- Từ kỳ thanh toán thứ 01 đến kỳ thanh toán thứ 17 trả tiền lãi hàng tháng.
- Từ kỳ thanh toán thứ 18 đến kỳ thanh toán thứ 26 trả tiền gốc cùng với tiền lãi hàng tháng số tiền là 2.051.300 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi một nghìn ba trăm đồng).
- Kỳ thanh toán thứ 27 trả tiền gốc cùng với tiền lãi hàng tháng số tiền là 2.000.337 đồng (Hai triệu ba trăm ba mươi bảy đồng).
- Kỳ thanh toán thứ 28 trả tiền gốc cùng với tiền lãi hàng tháng số tiền là 1.810.067 đồng (Một triệu tám trăm mười nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng).
- Kỳ thanh toán thứ 29 trả tiền gốc cùng với tiền lãi hàng tháng số tiền là 1.902.839

đồng (Một triệu chín trăm lẻ hai nghìn tám trăm ba mươi chín đồng).

- Kỳ thanh toán thứ 30 (kỳ cuối) trả tiền gốc cùng với tiền lãi hàng tháng số tiền 1.967.745 đồng (Một triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm bốn mươi lăm đồng).

Tuy nhiên, kể từ khi giải ngân đến nay, bà L chỉ mới thanh toán cho Công ty được 14 lần với tổng số tiền là 12.849.692 đồng (Mười hai triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm chín mươi hai đồng), cụ thể như sau:

+ Ngày 06/11/2023 bà L trả cho Công ty số tiền 1.010.512 đồng (Một triệu không trăm mười nghìn năm trăm mười hai đồng).

+ Ngày 12/12/2023 bà L trả cho Công ty số tiền 845.689 đồng (Tám trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng).

+ Ngày 09/01/2024 bà L trả cho Công ty số tiền 873.000 đồng (Tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

+ Ngày 26/02/2024 bà L trả cho Công ty số tiền 876.548 đồng (Tám trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng).

+ Ngày 16/3/2024 bà L trả cho Công ty số tiền 819.000 đồng (Tám trăm mười chín nghìn đồng).

+ Ngày 23/4/2024 bà L trả cho Công ty số tiền 876.000 đồng (Tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

+ Ngày 06/5/2024 bà L trả cho Công ty số tiền 831.943 đồng (Tám trăm ba mươi một nghìn chín trăm bốn mươi ba đồng).

+ Ngày 25/7/2024 bà L trả cho Công ty số tiền 872.000 đồng (Tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

+ Ngày 16/8/2024 bà L trả cho Công ty số tiền 876.000 đồng (Tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

+ Ngày 17/9/2024 bà L trả cho Công ty số tiền 850.000 đồng (Tám trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Ngày 15/10/2024 bà L trả cho Công ty số tiền 814.000 đồng (Tám trăm mười bốn nghìn đồng).

+ Ngày 20/11/2024 bà L trả cho Công ty số tiền 835.000 đồng (Tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

+ Ngày 13/01/2025 bà L trả cho Công ty số tiền 860.000 đồng (Tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

+ Ngày 28/02/2025 bà L trả cho Công ty số tiền 1.610.000 đồng (Một triệu sáu trăm mười nghìn đồng).

Mặc dù đã được Công ty M nhiều lần liên hệ nhắc nhở và gửi thư đề nghị thanh toán nợ, nhưng từ ngày 28/02/2025 đến nay bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh

toán theo thỏa thuận đã ký với Công ty M.

Do đó, Công ty M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Hồng L thanh toán một lần toàn bộ khoản vay cho Công ty M với tổng số tiền tạm tính đến ngày 02/10/2025 là 28.149.093 đồng (Hai mươi tám triệu một trăm bốn mươi chín nghìn không trăm chín mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 20.247.600 đồng (Hai mươi triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm đồng); lãi trong hạn là 6.015.162 đồng (Sáu triệu không trăm mười lăm nghìn một trăm sáu mươi hai đồng); lãi quá hạn là 1.649.086 đồng (Một triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn không trăm tám mươi sáu đồng); lãi chậm trả là 237.245 đồng (Hai trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm bốn mươi lăm đồng). Buộc bà Nguyễn Hồng L tiếp tục thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 03/10/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Đồng thời, do bận công việc nên bà Lâm Thị Thùy D là người đại diện theo ủy quyền của Công ty M yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Nguyễn Hồng L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà L vẫn vắng mặt, không rõ lý do; bà L cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Công ty M.

Do nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không hòa giải được.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn Công ty M vắng mặt, nhưng có văn bản yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Hồng L thanh toán một lần toàn bộ khoản vay cho Công ty M với tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/7/2026 là 39.721.588 đồng (Ba mươi chín triệu bảy trăm hai mươi một nghìn năm trăm tám mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 20.247.600 đồng (Hai mươi triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm đồng); lãi trong hạn là 7.609.967 đồng (Bảy triệu sáu trăm lẻ chín nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng); lãi quá hạn là 11.048.555 đồng (Mười một triệu không trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng); lãi chậm trả là 815.466 đồng (Tám trăm mười lăm nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng). Đồng thời, buộc bà Nguyễn Hồng L tiếp tục thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 16/7/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Bị đơn bà Nguyễn Hồng L vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M.

Về án phí: Bị đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty M khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Hồng L trả số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 18/10/2023 được ký kết giữa các bên. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự có quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hợp đồng tín dụng ngày 18/10/2023 thể hiện bị đơn bà Nguyễn Hồng L cư trú tại Phường H, Quận T, Thành phố H nay là phường C, Thành phố H nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Công ty M do bà Lâm Thị Thùy D đại diện theo ủy quyền có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Hồng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1]. Căn cứ Đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng số 4995816 ngày 18/10/2023 được ký kết giữa bên đề nghị vay vốn bà Nguyễn Hồng L với bên cho vay Công ty M có cơ sở xác định bà Nguyễn Hồng L có vay tiền của Công ty M.

Nội dung Đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái pháp luật nên có hiệu lực; phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2.]. Căn cứ phiếu báo nợ ngày 18/10/2026 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam có nội dung thanh toán: “*M chuyển tiền GN Nguyễn Hồng L HD 4995816*” và Giấy chứng nhận Bảo hiểm khoản vay số 951960604/01, số 951960604/02 và số 951960604/03 ngày 19/10/2023 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm O xác định Công ty M đã giải ngân cho bà L đủ số tiền vay theo thỏa thuận tại tiểu mục 7.4 mục 7 của Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 4995816 ngày 18/10/2023.

[3.3]. Theo nội dung thỏa thuận được ghi nhận trong Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng và Lịch thanh toán thì bà Nguyễn Hồng L có trách nhiệm thanh toán tiền gốc và lãi hàng tháng cho Công ty M trong thời hạn 30 tháng kể từ ngày 05/11/2023 đến ngày 05/4/2026. Tuy nhiên, bà L chỉ mới thanh toán cho Công ty M tổng số tiền (từ ngày 06/11/2023 đến ngày 28/02/2025) là 12.849.692 đồng (Mười hai triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm chín mươi hai đồng) thì ngưng, không thanh toán nữa. Tính đến ngày 15/7/2026 bà Nguyễn Hồng L còn nợ Công ty M số tiền là 39.721.588 đồng (Ba mươi chín triệu bảy trăm hai mươi một nghìn năm trăm tám mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 20.247.600 đồng (Hai mươi triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm đồng); lãi trong hạn là 7.609.967 đồng (Bảy triệu sáu trăm lẻ chín nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng); lãi quá hạn là 11.048.555 đồng (Mười một triệu không trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng); lãi chậm trả là 815.466 đồng (Tám trăm mười lăm nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng). Do bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty M yêu cầu bà L thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 16/7/2026 cho đến khi bà L thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng đã ký là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại mục 8 Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4995816 ngày 18/10/2023 và đúng theo quy định tại Điều 280, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 và Điều 108 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 23 và 25 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[3.3]. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, trong đó nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả một lần toàn bộ số tiền còn nợ của Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Do bà L không phản đối yêu cầu và chứng cứ mà bên nguyên đơn đưa ra nên coi như bà L chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn.

[3.4]. Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ phát sinh từ Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4995816 ngày 18/10/2023 là 39.721.588 đồng (Ba mươi chín triệu bảy trăm hai mươi một nghìn năm trăm tám mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 20.247.600 đồng (Hai mươi triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm đồng); lãi trong hạn là 7.609.967 đồng (Bảy triệu sáu trăm lẻ chín nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng); lãi quá hạn là 11.048.555 đồng (Mười một triệu không trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng); lãi chậm trả là 815.466 đồng (Tám trăm mười lăm nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng) và bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/7/2026

theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 117, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 108 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 23 và Điều 25 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

- Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M đối với bà Nguyễn Hồng L về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc bà Nguyễn Hồng L có nghĩa vụ trả cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M số tiền nợ phát sinh từ Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4995816 ngày 18/10/2023 là 39.721.588 đồng (Ba mươi chín triệu bảy trăm hai mươi một nghìn năm trăm tám mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 20.247.600 đồng (Hai mươi triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm đồng); lãi trong hạn là 7.609.967 đồng (Bảy triệu sáu trăm lẻ chín nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng); lãi quá hạn là 11.048.555 đồng (Mười một triệu không trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng); lãi chậm trả là 815.466 đồng (Tám trăm mười lăm nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày 16/7/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng đã ký kết.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.986.079 đồng (Một triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn không trăm bảy mươi chín đồng).

Hoàn lại cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 703.728 đồng (Bảy trăm lẻ ba nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014416 ngày 09/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan Thi hành án dân sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**



Bùi Xuân Hương